

Số: **6861**/BNN-TCTS
V/v hướng dẫn kê khai xác định
thiệt hại do sự cố môi trường biển

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân các tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình,
Quảng Trị và Thừa Thiên Huế

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 173/TB-VPCP ngày 08/7/2016; Thông báo số 186/TB-VPCP ngày 20/7/2016; Thông báo số 204/TB-VPCP ngày 28/7/2016 và Thông báo số 231/TB-VPCP ngày 12/8/2016 về các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển; tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành và các địa phương tại cuộc họp ngày 08/8/2016; sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xác định thiệt hại của tổ chức, cá nhân tại vùng bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển như sau:

I. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI

1. Công tác kê khai, thống kê, đánh giá thiệt hại phải được tổ chức chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, có sự tham gia trực tiếp của người dân, cộng đồng và chính quyền; sử dụng biểu mẫu kê khai, thống kê thiệt hại theo hướng dẫn tại Văn bản này.

2. Thống kê, đánh giá thiệt hại phải khẩn trương, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, phạm vi, mức độ ảnh hưởng và được thực hiện theo đúng thẩm quyền.

3. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan đến hoạt động thống kê, đánh giá thiệt hại.

4. Định mức/dơn giá để tính giá trị thiệt hại áp dụng thống nhất cho 04 tỉnh do Thủ tướng Chính phủ ban hành trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các tỉnh.

5. Tổng sản lượng hải sản khai thác và sản lượng muối bị thiệt hại của mỗi địa phương (xóm/thôn, xã, huyện, tỉnh) không vượt quá sản lượng đã được thống kê, báo cáo cùng kỳ năm 2015.

II. ĐỐI TƯỢNG THIẾT HẠI

1. Đối tượng trực tiếp bị thiệt hại

1.1 Khai thác hải sản

a) Chủ tàu và người lao động trên tàu/thuyền không lắp máy hoặc có lắp máy công suất dưới 90CV, trực tiếp khai thác thủy sản trên biển, đầm phá ven biển, cửa sông có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế hoạt động khai thác

thủy sản tại các tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế bị thiệt hại do sự cố môi trường biển.

b) Người lao động sống ven biển làm nghề khai thác thủy sản có tính chất đơn giản và thu nhập chính dựa vào nguồn lợi từ biển, đầm phá, cửa sông như: câu, lặn, te/xiếp, nghề cào, nôm, chụp, lưới rừng, mò, nò, sáo, bẫy, đăng, đáy...

1.2. Nuôi trồng thủy sản

a) Hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (gọi chung là cơ sở nuôi trồng thủy sản) trực tiếp nuôi trồng thủy sản; sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản mặn, lợ bị thiệt hại do sự cố môi trường biển.

b) Người lao động làm thuê thường xuyên và thu nhập chính từ các cơ sở nêu tại điểm a, mục này (1.2).

1.3. Sản xuất muối

Tổ hợp tác, hợp tác xã, hộ gia đình làm nghề muối bị thiệt hại trực tiếp do sự cố môi trường biển.

1.4. Kinh doanh thủy sản ven biển

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp thu mua, sơ chế thủy sản từ các tàu cá; tại cảng cá, bến cá, chợ cá, cơ sở nuôi có địa điểm kinh doanh hoặc có hộ khẩu thường trú tại các xã/phường/thị trấn ven biển vùng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển.

b) Người lao động làm việc thường xuyên và có thu nhập chính từ các nghề: vận chuyển, chở thuê hàng hải sản, bốc vác, sơ chế thủy sản và người làm thuê cho các cơ sở nêu tại điểm a, mục này (1.4)

2. Đối tượng gián tiếp bị thiệt hại

2.1. Dịch vụ hậu cần nghề cá

a) Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh: đá lạnh để bảo quản hải sản, kho lạnh, cấp đông; đóng, sửa tàu thuyền; sản xuất, kinh doanh ngư cụ có địa điểm kinh doanh tại các xã/phường/thị trấn ven biển vùng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển.

b) Người lao động làm thuê thường xuyên và có thu nhập chính từ các cơ sở quy định tại điểm a, mục này (2.1).

2.2. Dịch vụ du lịch, thương mại ven biển

a) Chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, thương mại có địa điểm kinh doanh tại các xã/phường/thị trấn ven biển vùng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển.

b) Người dân sống ven biển làm nghề có tính chất đơn giản: bán hàng, làm dịch vụ cho khách du lịch và có địa điểm kinh doanh hoặc có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại các xã/phường/thị trấn ven biển vùng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển.

III. THỜI GIAN TÍNH THIẾT HẠI

Thời gian tính thiệt hại là 06 tháng (từ tháng 4 đến hết tháng 9 năm 2016).

IV. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI:

Căn cứ nội dung hướng dẫn, phương pháp tính thiệt hại tại Phụ lục II của công văn này và tình hình thực tế của địa phương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo Cục Thống kê và các cơ quan chức năng có liên quan của tỉnh xây dựng định mức/đơn giá theo các đối tượng bị thiệt hại được quy định tại mục II của công văn này; tổng hợp theo Phụ lục III và báo cáo gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 17/8/2016.

V. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

1. Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại

- Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do sự cố môi trường kê khai theo phụ lục I (biểu mẫu số: I.1, I.2, I.3, I.4, I.5, I.6, I.7, I.8) nộp cho thôn/xóm.

- Thôn/xóm tổ chức họp cộng đồng, xem xét, thống nhất và niêm yết công khai theo quy chế thực hiện dân chủ cơ sở. Trưởng thôn xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại vào biểu mẫu kê khai.

- Trưởng thôn/xóm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Thành lập Hội đồng đánh giá thiệt hại, trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo thôn/xóm thực hiện các bước theo quy định; thành phần tham gia Hội đồng gồm lãnh đạo chính quyền, đại diện các đoàn thể, đại diện của người dân và đại diện chức sắc tôn giáo (nếu cần thiết).

- Tổ chức rà soát, kiểm tra và niêm yết công khai theo quy chế thực hiện dân chủ cơ sở. Xác nhận số lượng thiệt hại cho từng tổ chức, cá nhân.

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo mẫu số IV.1, IV.4, IV.7 và IV.10.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Thành lập Hội đồng đánh giá, thẩm định thiệt hại.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện các bước theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra, thẩm định, phê duyệt giá trị thiệt hại (theo định mức/đơn giá do Thủ tướng Chính phủ ban hành).

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo mẫu số IV.2, IV.5, IV.8 và IV.11.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về công tác kê khai, xác định thiệt hại đến người dân ở các thôn, xã bị thiệt hại bởi sự cố môi trường biển.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đơn đốc Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các bước thống kê, xác định thiệt hại.

- Thành lập Hội đồng đánh giá, thẩm định, phê duyệt giá trị thiệt hại cho các đối tượng theo phân cấp quản lý.

- Kiểm tra, rà soát, tổng hợp kết quả thống kê, xác định thiệt hại, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo mẫu IV.3, IV.6, IV.9, IV.12 và IV.13 trước ngày 10/9/2016.

Công văn này thay thế công văn số 6265/BNN-TCTS ngày 25/7/2016 và công văn số 6471/BNN-TCTS ngày 02/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thống kê, xác định thiệt hại do sự cố môi trường biển.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế khẩn trương triển khai thực hiện/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTg Chính phủ Trương Hòa Bình (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, CT, VHTT&DL, LDTB&XH, TP, TN&MT, TT&TT, KH&ĐT;
- Lưu: VI, TCTS.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Vũ Văn Tám

Phụ lục I:

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU KÊ KHAI THIẾT HẠI

(Ban hành kèm theo công văn số 6851/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu số	Tên mẫu
I.1	MẪU KÊ KHAI VỀ TÀU VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRÊN TÀU/THUYỀN, KHÔNG LẮP MÁY VÀ LẮP MÁY CÓ CÔNG SUẤT DƯỚI 90CV
I.2	MẪU KÊ KHAI THIẾT HẠI CỦA CHỦ CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN; SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN MẶN, LỢ
I.3	MẪU KÊ KHAI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM THUÊ TRONG CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN; SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN MẶN, LỢ
I.4	MẪU KÊ KHAI THIẾT HẠI CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LÀM MUỐI
I.5	MẪU KÊ KHAI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG KHAI THÁC THỦY SẢN ĐƠN GIẢN; BỐC VÁC, CHỖ THUÊ, SƠ CHẾ HÀNG THỦY SẢN BỊ MẤT VIỆC LÀM KHÔNG CÓ THU NHẬP (thiệt hại trực tiếp)
I.6	MẪU KÊ KHAI CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐÁ LẠNH; THU MUA, TẠM TRỮ THỦY SẢN; ĐÓNG, SỬA TÀU CÁ; SẢN XUẤT, KINH DOANH NGƯ CỤ; KINH DOANH DỊCH VỤ DU LỊCH, THƯƠNG MẠI CÓ ĐĂNG KÝ KINH DOANH NỘP THUẾ
I.7	MẪU KÊ KHAI VỀ TIỀN ĐIỆN CỦA CHỦ CƠ SỞ CÓ KHO LẠNH TẠM TRỮ THỦY SẢN KHÓ TIÊU THỤ
I.8	MẪU KÊ KHAI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM THUÊ TRONG CÁC CƠ SỞ THU MUA, TẠM TRỮ THỦY SẢN; ĐÓNG, SỬA TÀU CÁ; SẢN XUẤT, KINH DOANH NGƯ CỤ; DU LỊCH, THƯƠNG MẠI DO MẤT VIỆC LÀM KHÔNG CÓ THU NHẬP (thiệt hại gián tiếp)



Mẫu số 1.1:

**MÀU KÊ KHAI VỀ TÀU VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRÊN TÀU/THUYỀN
KHÔNG LẬP MÁY VÀ LẬP MÁY CÓ CÔNG SUẤT DƯỚI 90CV**

(Ban hành kèm theo công văn số 6851/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Họ tên người kê khai:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND: Cấp ngày Tại.....

Là chủ tàu số:; Công suất: CV; Làm nghề.....; Số lao động: người;

Tôi xin kê khai danh sách lao động trên tàu cá trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2016 như sau:

TT	Họ và tên người lao động trên tàu	Ngày tháng năm sinh	Số Chứng minh nhân dân	Địa chỉ thường trú	Ý kiến xác nhận của Trưởng thôn
A	B	C	D	E	G
2	Nguyễn Văn A				
3	Nguyễn Văn B				
4					

Tôi xin cam đoan lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

....., ngày tháng năm 2016

Người kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 1.2:

MẪU KÊ KHAI THIẾT HẠI CỦA CHỦ CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN;

SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN MẶN, LỢ

(Ban hành kèm theo công văn số 685 /BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Họ tên người kê khai:.....

Địa chỉ thường trú:

Số CMND: Cấp ngày..... tại:.....

Địa điểm nuôi:.....

Tôi xin kê khai thiệt hại bởi sự cố môi trường biển như sau:

TT	Đối tượng nuôi	Diện tích, thể tích (ha/m ³)	Hình thức nuôi	Số lượng giống thả (con)	Ngày thả	Ngày bị chết	Ý kiến xác nhận của Trưởng thôn
A	B	C	D	E	G	H	I

Tôi xin cam đoan lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngàythángnăm 2016

Người kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột B: Đối tượng nuôi: Tôm thẻ, tôm sú, cá, cua;

Cột D: Hình thức nuôi: Nuôi thâm canh, Bán thâm canh, quảng canh cải tiến, nuôi lồng;

**Mẫu số I.3: MẪU KÊ KHAI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM THUÊ TRONG CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN;
SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN MẶN, LỢ**

(Ban hành kèm theo công văn số 6851/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Họ tên người kê khai:.....

Địa chỉ thường trú:

Số CMND: Cấp ngày.....tại:.....

Địa điểm nuôi:.....

Tôi xin kê khai danh sách lao động trong cơ sở nuôi trồng thủy sản trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2016 như sau:

TT	Họ và tên người lao động	Ngày tháng năm sinh	Số Chứng minh nhân dân	Địa chỉ thường trú	Ý kiến xác nhận của Trưởng thôn
A	B	C	D	E	G
1	Nguyễn Văn A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

Tôi xin cam đoan lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 2016

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

(Ký tên, đóng dấu)

Người kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số I.4:

MÀU KÊ KHAI THIẾT HẠI CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LÀM MUỐI

(Ban hành kèm theo công văn số 6851/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Họ tên người kê khai:.....

Địa chỉ thường trú:

Số CMTDN: Cấp ngày.....tại:.....

Là chủ cơ sở làm muối (nếu có):

Tôi xin kê khai thiệt hại bởi sự cố môi trường biển như sau:

TT	Phân dành cho người thiệt hại kê khai		Xác nhận của Trưởng thôn	Ghi chú
	Diện tích (ha)	Địa điểm ruộng muối		
A	B	C	D	E
1				
2				
....				
	Tổng cộng			

Tôi xin cam đoan lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngàythángnăm 2016

Người kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 1.5: MẪU KÊ KHAI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG KHAI THÁC THUỶ SẢN ĐƠN GIẢN;
BỐC VÁC, CHỜ THUÊ, SƠ CHẾ HÀNG THUỶ SẢN BỊ MẤT VIỆC LÀM KHÔNG CÓ THU NHẬP**
(Ban hành kèm theo công văn số 6851/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Tên người kê khai

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND: Cấp ngày..... tại.....

Công việc đang làm:, tại cơ sở (nếu có).....

Địa điểm làm việc:

Thời gian mất thu nhập do không có việc làm: Tháng (từ tháng/2016 đến tháng/2016)

Tôi xin cam đoan lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngàythángnăm 2016

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã
(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của thôn/xóm
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên)



Mẫu số I.6: MẪU KÊ KHAI CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐÁ LẠNH; THU MUA, TẠM TRỮ THUỶ SẢN ĐỒNG, SỬA TÀU CÁ; SẢN XUẤT, KINH DOANH NGƯ CỤ; KINH DOANH DỊCH VỤ DU LỊCH, THƯƠNG MẠI CÓ ĐĂNG KÝ KINH DOANH NỘP THUẾ

(Ban hành kèm theo công văn số 6854 /BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Tên người kê khai

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND: Cấp ngày..... tại:.....

Địa điểm kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh có phát sinh thuế: Mã số thuế:.....

Tôi xin kê khai tiền thuế đã nộp trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2016 (có bản sao chứng từ kèm theo) như sau:

TT	Phần dành cho người thiết hại kê khai						Ghi chú
	Thuế tháng 4/2016	Thuế tháng 5/2016	Thuế tháng 6/2016	Thuế tháng 7/2016	Thuế tháng 8/2016	Thuế tháng 9/2016	
A	B	C	D	E	G	H	I
1							
2							
....							
	Tổng cộng						

Tôi xin cam đoan lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 2016

Xác nhận của UBND cấp xã

(Ký, đóng dấu)

Xác nhận của thôn/xóm

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối với thuế tháng 8 và tháng 9 chưa đến kỳ hạn nộp, sẽ kê khai bổ sung sau.

Mẫu số L7 MẪU KÊ KHAI VỀ TIỀN ĐIỆN CỦA CHỦ CƠ SỞ CÓ KHO LẠNH TẠM TRỮ THUỶ SẢN KHÓ TIÊU THỤ
(Ban hành kèm theo công văn số 6854/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Tên người kê khai

Địa chỉ thường trú:

Số CMND: Cấp ngày..... tại:

Địa điểm kinh doanh:

Là chủ cơ sở:; Thê tích kho: m³;

Tôi xin kê khai tiền điện đã nộp trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2016 như sau:

TT	Phần dành cho người thiệt hại kê khai						Tổng (đồng)
	Tiền điện tháng 4/2016 (đồng)	Tiền điện tháng 5/2016 (đồng)	Tiền điện tháng 6/2016 (đồng)	Tiền điện tháng 7/2016 (đồng)	Tiền điện tháng 8/2016 (đồng)	Tiền điện tháng 9/2016 (đồng)	
A	B	C	D	E	G	H	I
1							
2							
....							
Tổng cộng							

Tôi xin cam đoan lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngàythángnăm 2016

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã
(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của thôn /xóm
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối với tiền điện tháng 8 và tháng 9 chưa đến kỳ hạn nộp, sẽ kê khai bổ sung sau.

**Mẫu số 1.8: MẪU KÊ KHAI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM THUÊ TRONG CÁC CƠ SỞ THU MUA, TẠM TRỮ THUỶ SẢN;
ĐÓNG, SỬA TÀU CÁ; SẢN XUẤT, KINH DOANH NGƯ CỤ; DU LỊCH, THƯƠNG MẠI
DO MẤT VIỆC LÀM KHÔNG CÓ THU NHẬP**
(Ban hành kèm theo công văn số 6851/ĐNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Tên người kê khai

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND: Cấp ngày..... tại:.....

Công việc đang làm: tại cơ sở (nếu có).....

Địa điểm làm việc:

Thời gian mất thu nhập do không có việc làm: Tháng (từ tháng/2016 đến tháng/2016)

Tôi xin cam đoan lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 2016

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã
(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của thôn /xóm
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục II:

PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN THIẾT HẠI

(Kèm theo công văn số: 6854/BNN-TCTS ngày 12 tháng 8 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. ĐỐI TƯỢNG TRỰC TIẾP BỊ THIẾT HẠI

1. Lĩnh vực khai thác hải sản

1.1. Xác định giá trị thiệt hại của chủ tàu/thuyền:

Xác định giá trị thiệt hại của chủ tàu/thuyền theo từng dải công suất (không lắp máy; dưới 20CV; từ 20CV đến dưới 50CV; từ 50CV đến dưới 90CV).

Giá trị thiệt hại: $H = (D - C) \times 6$

Trong đó:

H: là giá trị thiệt hại của chủ tàu/thuyền theo từng dải công suất;

D: là doanh thu bình quân 01 tháng = (doanh thu của 6 tháng từ 01/4/2015 đến 30/9/2015) chia (6 tháng).

Doanh thu (D) = (Sản lượng khai thác bình quân 1 tháng (từ 01/4/2015 đến 30/9/2015)) $\times$ (Đơn giá bình quân 01 tháng (từ 01/04/2015 đến 30/9/2015)).

C: là chi phí bình quân 01 tháng (từ 01/4/2015 đến 30/9/2015, bao gồm: vật tư, nhiên liệu, tiền lương lao động).

1.2. Xác định giá trị thiệt hại của lao động trực tiếp trên tàu/thuyền:

Giá trị thiệt hại được tính là thu nhập bình quân 01 tháng (từ 01/04/2015 đến 30/9/2015) $\times$ (6 tháng).

2. Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản

Giá trị thiệt hại của chủ cơ sở nuôi trồng, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản mặn, lợ bị chết được tính như sau:

Giá trị thiệt hại = (Diện tích/thể tích hoặc số lượng con giống bị thiệt hại) $\times$ (Định mức thiệt hại)

Trong đó: Định mức thiệt hại được xây dựng dựa trên chi phí vật tư (con giống, thức ăn, nhân công, điện, khấu hao cơ sở vật chất, vật tư đầu vào khác...) phù hợp với từng đối tượng nuôi, hình thức nuôi, thời gian nuôi.

3. Lĩnh vực làm muối

Giá trị thiệt hại của tổ chức, cá nhân làm muối được tính như sau:

Giá trị thiệt hại = (Diện tích làm muối) $\times$ (Định mức thiệt hại) $\times$ (06 tháng)

Trong đó: Định mức thiệt hại được tính bằng: (Năng suất muối bình quân 6 tháng năm 2015 (từ 01/4/2015 đến 30/9/2015)) $\times$ (Đơn giá bình quân bán tại ruộng 6 tháng năm 2015 (từ 01/4/2015 đến 30/9/2015)).

4. Lao động mất thu nhập do không có việc làm

Lao động mất thu nhập do không có việc làm bao gồm:



- Khai thác thủy sản có tính chất đơn giản dựa vào nguồn lợi từ biển, đầm phá, cửa sông.

- Nuôi trồng thủy sản; sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản mặn, lợ.

- Trực tiếp thu mua, sơ chế thủy sản từ tàu cá, cảng cá, bến cá, chợ cá, cơ sở nuôi trồng thủy sản.

- Chế biến thủy sản (làm bột cá, nước mắm, ruốc, mắm tôm, mắm cá, hấp cá, sấy cá, nướng cá).

- Vận chuyển, chở thuê hàng hải sản, bốc vác, sơ chế thủy sản.

Giá trị thiệt hại cho các đối tượng nêu trên được xác định tương đương lương bình quân tháng của lao động làm công ăn lương trong lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản (theo số liệu của Niên giám thống kê Quý II, Quý III năm 2015 được công bố theo quy định của Luật Thống kê) nhân với 6 tháng.

II. ĐỐI TƯỢNG GIÁN TIẾP BỊ THIẾT HẠI

1. Cơ sở có đăng ký kê khai nộp thuế

Gồm các nghề: dịch vụ hậu cần nghề cá (sản xuất đá lạnh; đóng, sửa tàu cá; sản xuất, kinh doanh ngư cụ; thu mua tạm trữ thủy sản); kinh doanh dịch vụ du lịch và dịch vụ thương mại ven biển.

Giá trị thiệt hại cho các đối tượng nêu trên được tính theo các qui định về miễn, giảm thuế của pháp luật hiện hành.

2. Lao động thiệt hại gián tiếp bị mất thu nhập do không có việc làm

Lao động thiệt hại gián tiếp bị mất thu nhập do không có việc làm bao gồm:

- Người làm thuê thường xuyên và có thu nhập chính từ các cơ sở: sản xuất đá lạnh để bảo quản thủy sản; thu mua, tạm trữ thủy sản; đóng, sửa tàu cá; sản xuất, kinh doanh ngư cụ.

- Người dân có thu nhập chính phụ thuộc trực tiếp bán hàng và làm dịch vụ cho khách du lịch ven biển.

Giá trị thiệt hại cho các đối tượng nêu trên được xác định tương đương lương bình quân tháng của lao động làm công ăn lương trong lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản (theo số liệu của Niên giám thống kê Quý II, Quý III năm 2015 được công bố theo quy định của Luật Thống kê) nhân với 6 tháng.

3. Đối với cơ sở thu mua tạm trữ thủy sản

Ngoài việc được miễn, giảm thuế theo mục 1 phần II, giá trị thiệt hại còn được xác định thêm phần chi phí tiền điện (theo hóa đơn thực tế) để duy trì kho cấp đông, kho lạnh.



PHỤ LỤC III:

DANH MỤC CÁC ĐỊNH MỨC THIẾT HẠI

(Kèm theo công văn số: 6851/BNN-TCTS ngày 12 tháng 8 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	DANH MỤC	ĐỊNH MỨC THIẾT HẠI	Ghi chú
I	ĐỐI TƯỢNG CHỦ TÀU	Đồng/tàu/tháng	
1	Tàu/thuyền không lắp máy		
2	Tàu lắp máy dưới 20CV		
3	Tàu lắp máy công suất từ 20CV đến dưới 50 CV		
4	Tàu lắp máy từ 50CV đến dưới 90CV		
II	ĐỐI TƯỢNG LAO ĐỘNG TRÊN TÀU	Đồng/người/tháng	
1	Lao động trên tàu/thuyền không lắp máy		
2	Lao động trên tàu lắp máy dưới 20CV		
3	Lao động trên tàu lắp máy công suất từ 20CV đến dưới 50 CV		
4	Lao động trên tàu lắp máy từ 50CV đến dưới 90CV		
5	Lao động khai thác hải sản thủ công		
III	NUÔI TRỒNG THỦY SẢN MẶN, LỢ		
1	Nuôi tôm thẻ chân trắng	Đồng/m ²	
1.1	Nuôi thâm canh trong ao lót bạt trên cát (mật độ từ 100 đến 120 con/m ²)		
a	Thời gian dưới 45 ngày		
b	Thời gian từ 45 ngày trở lên		
1.2	Nuôi thâm canh trong ao đất (mật độ từ 60 đến dưới 100 con/m ²)		
a	Thời gian dưới 45 ngày		
b	Thời gian từ 45 ngày trở lên		
1.3	Nuôi bán thâm canh trong ao đất (mật độ từ 20 đến dưới 60 con/m ²)		
a	Thời gian dưới 45 ngày		
b	Thời gian từ 45 ngày trở lên		
1.4	Nuôi quảng canh cải tiến, xen ghép trong ao, đầm, ruộng ...		
a	Thời gian dưới 45 ngày		
b	Thời gian từ 45 ngày trở lên		
2	Nuôi tôm sú	Đồng/m ²	
2.1	Nuôi thâm canh (mật độ 25 con/m ²)		

(Chữ ký)

a	Thời gian dưới 60 ngày		
b	Thời gian từ 60 ngày trở lên		
2.2	Nuôi bán thâm canh (mật độ từ 10 đến 24 con/m²)		
a	Thời gian dưới 60 ngày		
b	Thời gian từ 60 ngày trở lên		
2.3	Nuôi quảng canh cải tiến, xen ghép (mật độ từ 6 đến dưới 10 con/m²)		
a	Thời gian dưới 60 ngày		
b	Thời gian từ 60 ngày trở lên		
3	Nuôi thâm canh cá mặn lợ	Đồng/m ²	
a	Thời gian dưới 90 ngày		
b	Thời gian từ 90 ngày trở lên		
4	Sản xuất, ương dưỡng giống	Đồng/ngàn con	
a	Giá bán tôm pôt 15 (Post) tại trại		
b	Giá bán tôm giống tại ao ương		
5	Nghêu nuôi bãi triều ven biển (nhiển thể)	Đồng/m ²	
a	Mật độ nuôi dưới 150 con/m ²		
b	Mật độ nuôi từ 150 con/m ² trở lên		
6	Nuôi cua	Đồng/m ²	
a	Thời gian dưới 90 ngày		
b	Thời gian từ 90 ngày trở lên		
7	Nuôi cá lồng	Đồng/m ³	
a	Thời gian dưới 90 ngày		
b	Thời gian từ 90 ngày trở lên		
8	Nuôi cá biển trên ao lót bạt	Đồng/m ²	
a	Thời gian dưới 90 ngày		
b	Thời gian từ 90 ngày trở lên		
IV	NGHỀ MUỐI	Đồng/ha	
V	NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ MẤT THU NHẬP (Ngoài đối tượng đã được tính tại mục II phụ lục này)	Đồng/người/tháng	

Phụ lục IV:

DANH MỤC BIỂU MẪU TỔNG HỢP THIẾT HẠI CỦA UBND CÁC CẤP

(Ban hành kèm theo công văn số 6861/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu số	Tên mẫu
IV.1	Tổng hợp thiệt hại về khai thác thủy sản của UBND cấp Xã
IV.2	Tổng hợp thiệt hại về khai thác thủy sản của UBND cấp Huyện
IV.3	Tổng hợp thiệt hại về khai thác thủy sản của UBND cấp Tỉnh
IV.4	Tổng hợp thiệt hại về nuôi trồng thủy sản của UBND cấp Xã
IV.5	Tổng hợp thiệt hại về nuôi trồng thủy sản của UBND cấp Huyện
IV.6	Tổng hợp thiệt hại về nuôi trồng thủy sản của UBND cấp Tỉnh
IV.7	Tổng hợp thiệt hại về nghề muối của UBND cấp Xã
IV.8	Tổng hợp thiệt hại về nghề muối của UBND cấp Huyện
IV.9	Tổng hợp thiệt hại về nghề muối của UBND cấp Tỉnh
IV.10	Tổng hợp thiệt hại về lao động bị mất thu nhập do không có việc làm của UBND cấp Xã (trực tiếp, gián tiếp)
IV.11	Tổng hợp thiệt hại về lao động bị mất thu nhập do không có việc làm của UBND cấp Huyện (trực tiếp, gián tiếp)
IV.12	Tổng hợp thiệt hại về lao động bị mất thu nhập do không có việc làm của UBND cấp Tỉnh (trực tiếp, gián tiếp)
IV.13	Tổng hợp thiệt hại của UBND cấp tỉnh (trực tiếp, gián tiếp)



Mẫu số IV.1: TỔNG HỢP THIẾT HẠY VỀ KHAI THÁC HẢI SẢN CỦA UBND CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo công văn số 6954/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Danh sách chủ tàu	Số đăng ký tàu	Công suất (CV)	Số lao động trên tàu (người)	Ghi chú
I	Thôn/xóm 1				
1	Nguyễn Văn A				
2					
II	Thôn/xóm 2				
1	Nguyễn Văn B				
2					
	Tổng cộng				

....., ngày.....tháng năm 2016

Ủy ban nhân dân.....



Mẫu số IV.2: TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ KHAI THÁC HẢI SẢN CỦA UBND CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo công văn số 685/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Số lượng tàu (chiếc)	Số lao động trên tàu (người)	Giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Ghi chú
I	Xã/Phường A				
1	Tàu không lắp máy				
2	Tàu nhỏ hơn 20CV				
3	Tàu từ 20CV đến dưới 50CV				
4	Tàu từ 50CV đến dưới 90CV				
II	Xã/Phường B				
1	Tàu không lắp máy				
2	Tàu nhỏ hơn 20CV				
3	Tàu từ 20CV đến dưới 50CV				
4	Tàu từ 50CV đến dưới 90CV				
III	Xã				
					
					
	Tổng cộng				

....., ngày.....tháng.....năm 2016

Ủy ban nhân dân

(Chữ ký)

Mẫu số IV.3: TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ KHAI THÁC HẢI SẢN CỦA UBND CẤP TỈNH
 (Ban hành kèm theo công văn số 6854/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Số lượng tàu (chiếc)	Số lao động trên tàu (người)	Giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Ghi chú
I	Huyện A				
1	Tàu/thuyền không lắp máy				
2	Tàu nhỏ hơn 20CV				
3	Tàu từ 20CV đến dưới 50CV				
4	Tàu từ 50CV đến dưới 90CV				
II	Huyện B				
1	Tàu/thuyền không lắp máy				
2	Tàu nhỏ hơn 20CV				
3	Tàu từ 20CV đến dưới 50CV				
4	Tàu từ 50CV đến dưới 90CV				
III	Huyện				
					
					
Tổng cộng					

....., ngày.....tháng.....năm 2016
 Ủy ban nhân dân

(Chữ ký)

Mẫu số IV.4:

TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN UBND CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo công văn số 6854 /BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Hình thức nuôi	Đối tượng nuôi	Diện tích/thể tích tầng ao/lồng/búi triều (m2/m3)	Số lượng giống thả (Triệu con)	Tổng khối lượng hoặc số lượng con giống trước khi bị thiệt hại (kg hoặc con)	Khối lượng hoặc số lượng con giống thiệt hại (kg hoặc con)	Ghi chú
A	B	C	D	E	G	H	I	K
I	Xóm/thôn A							
1	Nguyễn Anh A							
2	Nguyễn Anh B							
								
II	Xóm/thôn..							
1	Nguyễn Anh A							
2	Nguyễn Anh B							
								
								
Cộng								

....., ngàytháng.....năm 2016

Ủy ban nhân dân xã



Mẫu số IV.5:

TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN UBND CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo công văn số 6354/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Hình thức nuôi				Diện tích/thể tích từng ao/lồng/bãi triều (m ² hoặc m ³)	Số lượng giống thả (Triệu con)	Tổng khối lượng hoặc số lượng con giống trước khi bị thiệt hại (kg hoặc con)	Khối lượng /số lượng con giống thiệt hại (kg hoặc con)	Giá trị thiệt hại (Triệu đồng)	Ghi chú
		Quảng canh, quảng canh cải tiến	Bán thâm canh	Thâm canh	Khác						
A	B	C	D	E	G	H	I	K	L	M	N
I	Xã/phường/thị trấn										
1	Đối tượng nuôi ...										
2	Đối tượng nuôi ...										
											
II	Xã/phường/thị trấn										
1	Đối tượng nuôi ...										
2	Đối tượng nuôi ...										
											
	Cộng										

..... ngàytháng.....năm 2016
Ủy ban nhân dân



Mẫu số IV.6:

TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN UBND CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo công văn số 6854/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Hình thức nuôi				Diện tích/thể tích từng ao/lồng/bãi triều (m ² hoặc m ³)	Số lượng giống thả (Triệu con)	Tổng khối lượng hoặc số lượng con giống trước khi bị thiệt hại (kg hoặc con)	Khối lượng /số lượng con giống thiệt hại (kg hoặc con)	Giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Ghi chú
		Quảng canh, quảng canh cải tiến	Bán thâm canh	Thâm canh	Khác						
A	B	C	D	E	G	H	I	K	L	M	N
I	Huyện A										
1	Đối tượng nuôi ...										
2	Đối tượng nuôi ...										
											
II	Huyện B										
1	Đối tượng nuôi ...										
2	Đối tượng nuôi ...										
											
	Cộng										

....., ngàytháng.....năm 2016

Ủy ban nhân dân



Mẫu số IV.7:

TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ NGHỀ MUỐI CỦA UBND CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo công văn số 6954 /BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Diện tích sản xuất (ha)	Ghi chú
A	B	C	D
I	Thôn/xóm 1		
1	Nguyễn Văn A		
2			
II	Thôn/xóm 2		
1	Nguyễn Văn B		
2			
3			
	Tổng cộng		

.....ngày tháng năm 2016

Ủy ban nhân dân



Mẫu số IV.8:

TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ NGHỀ MUỐI CỦA UBND CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo công văn số 6854 /BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Số hộ thiệt hại	Diện tích sản xuất (ha)	Giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Ghi chú
A	B	C	D	E	G
1	Xã/ Phường/Thị trấn				
2	Xã/ Phường/Thị trấn				
3					
4					
	Tổng cộng				

.....ngày tháng năm 2016

Ủy ban nhân dân



Mẫu số IV.9:

TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ NGHỀ MUỐI CỦA UBND CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo công văn số 6254 /BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Số hộ thiệt hại	Diện tích sản xuất (ha)	Giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Ghi chú
A	B	C	D	E	G
1	Huyện A				
2	Huyện B				
3					
4					
	Tổng cộng				

.....ngày tháng năm 2016

Ủy ban nhân dân



Mẫu số IV.10a: TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ LAO ĐỘNG BỊ MẤT THU NHẬP DO KHÔNG CÓ VIỆC LÀM CỦA UBND CẤP XÃ

(Thiết hại trực tiếp)

(Ban hành kèm theo công văn số 6851/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Danh sách	Ngành nghề	Số lao động (người)	Ghi chú
A	B	C	D	E
I	Thôn/xóm 1			
1	Nguyễn Văn A			
2				
II	Thôn/xóm 2			
1	Nguyễn Văn B			
2				
	Tổng cộng			

....., ngày.....tháng.....năm 2016

Ủy ban nhân dân

(Chữ ký)

Mẫu số IV.10b: TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ LAO ĐỘNG BỊ MẤT THU NHẬP DO KHÔNG CÓ VIỆC LÀM CỦA UBND CẤP XÃ

(Thiết hại gián tiếp)

(Ban hành kèm theo công văn số *6851*/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Danh sách	Ngành nghề	Số lao động (người)	Ghi chú
A	B	C	D	E
I	Thôn/xóm 1			
1	Nguyễn Văn A			
2				
II	Thôn/xóm 2			
1	Nguyễn Văn B			
2				
	Tổng cộng			

....., ngày.....tháng.....năm 2016

Ủy ban nhân dân

02

Mẫu số IV.11a: TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ LAO ĐỘNG BỊ MẤT THU NHẬP DO KHÔNG CÓ VIỆC LÀM CỦA UBND CẤP HUYỆN

(Thiết hại trực tiếp)

(Ban hành kèm theo công văn số 6854/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Số lao động				Ghi chú
		Tổng số	Nghề 1	Nghề 2	Nghề ...	
A	B	C	D	E	G	H
I	Xã/phường/thị trấn A					
1	Thôn/xóm 1					
2	Thôn/xóm 2					
						
II	Xã/phường/thị trấn B					
1	Thôn/xóm 1					
2	Thôn/xóm 2					
	...					
	Tổng cộng					

....., ngày.....tháng.....năm 2016

Ủy ban nhân dân

02

Mẫu số IV.11b: TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ LAO ĐỘNG BỊ MẤT THU NHẬP DO KHÔNG CÓ VIỆC LÀM CỦA UBND CẤP HUYỆN

(Thiết hại gián tiếp)

(Ban hành kèm theo công văn số 6854/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Số lao động				Ghi chú
		Tổng số	Nghề 1	Nghề 2	Nghề ...	
A	B	C	D	E	G	H
I	Xã/phường/thị trấn A					
1	Thôn/xóm 1					
2	Thôn/xóm 2					
						
II	Xã/phường/thị trấn B					
1	Thôn/xóm 1					
2	Thôn/xóm 2					
	...					
	Tổng cộng					

....., ngày.....tháng.....năm 2016

Ủy ban nhân dân



Mẫu số IV.12a: TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ LAO ĐỘNG BỊ MẤT THU NHẬP DO KHÔNG CÓ VIỆC LÀM CỦA UBND CẤP TỈNH

(Thiết hại trực tiếp)

(Ban hành kèm theo công văn số ~~6854~~ /BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Số lao động				Giá trị thiệt hại	Ghi chú
		Tổng số	Nghề 1	Nghề 2	Nghề ...		
A	B	C	D	E	G	H	I
I	Huyện/Thị A						
1	Xã/phường/thị trấn 1						
2	Xã/phường/thị trấn 2						
	...						
II	Huyện/ Thị ...						
1	Xã/phường/thị trấn 1						
2	Xã/phường/thị trấn 2						
	...						
	Tổng cộng						

....., ngày.....tháng.....năm 2016

Ủy ban nhân dân

nd

Mẫu số IV.12b: TỔNG HỢP THIẾT HẠI VỀ LAO ĐỘNG BỊ MẤT THU NHẬP DO KHÔNG CÓ VIỆC LÀM CỦA UBND CẤP TỈNH

(Thiết hại gián tiếp)

(Ban hành kèm theo công văn số 6854/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Số lao động				Giá trị thiệt hại	Ghi chú
		Tổng số	Nghề 1	Nghề 2	Nghề ...		
A	B	C	D	E	G	H	I
I	Huyện/Thị A						
1	Xã/phường/thị trấn 1						
2	Xã/phường/thị trấn 2						
	...						
II	Huyện/ Thị ...						
1	Xã/phường/thị trấn 1						
2	Xã/phường/thị trấn 2						
	...						
	Tổng cộng						

....., ngày.....tháng.....năm 2016

Ủy ban nhân dân

(Signature)

Mẫu số IV.13a:

TỔNG HỢP THIẾT HẠI TRỰC TIẾP

(Ban hành kèm theo công văn số 6851/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Thiệt hại về khai thác thủy sản (triệu đồng)	Thiệt hại về nuôi trồng thủy sản (triệu đồng)	Thiệt hại về nghề muối (triệu đồng)	Thiệt hại về lao động bị mất việc làm (triệu đồng)	Tổng thiệt hại (triệu đồng)	Ghi chú
A	B	C	D	E	G	H	I
1							
2							
3							
4							
5							
6							
	Tổng cộng						

....., ngày.....tháng.....năm 2016

Ủy ban nhân dân tỉnh



Mẫu số IV.13b:

TỔNG HỢP THIẾT HẠI GIÁN TIẾP

(Ban hành kèm theo công văn số 6854 /BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Dịch vụ hạn cản nghề cá (triệu đồng)	Dịch vụ du lịch, thương mại ven biển (triệu đồng)	Lao động bị mất thu nhập (triệu đồng)	Thiết hại khác (triệu đồng)	Tổng thiệt hại (triệu đồng)	Ghi chú
1							
2							
3							
4							
5							
6							
	Tổng cộng						

....., ngày.....tháng.....năm 2016

Ủy ban nhân dân tỉnh

